



THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 10

Thời gian ăn từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025

Số lượng người ăn: 766 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ 4 1/10/2025	Dầu ăn neptune	Lít	20	65.000	1.300.000													Giá vị ăn cả tháng
	Dầu rửa sunlinght can 3,6 kg	can	30	100.000	3.000.000													
	Cọ xoong	Bịch	2	50.000	100.000													
	Muối I ốt hạt to	Kg	80	7.000	560.000													
	Mỳ chính vedan	Kg	13	65.000	845.000													
Tổng tiền																	5.805.000	
Thứ tư ngày 1/10/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, móng lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
							Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Tổng tiền						6.128.000					9.015.000
Thứ năm 2/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào rau bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	53,0	135.000	7.155.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bắp cải	Kg	60	18.000	1.080.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000							
							Tổng tiền						6.128.000					9.500.000

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn	
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá		Thành Tiền
Thứ sáu 3/10/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, móng lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
										0	Bí đỏ		Kg	45	18.000	810.000		
							Tổng tiền			6.128.000							14.235.000	
Thứ 7 ngày 4/10/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	150	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000							
							Cà chua	kg	7,0	35.000	245.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	135.000	6.750.000							
							Rau cải	25	25	18.000	450.000							
Tổng tiền			6.128.000						9.005.000					0	15.133.000			
CN 5/10/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	120	Cấp phát		
											Trứng vịt nhỡ		Quả	780	4.000	3.120.000		
											Hành lá		Kg	1,0	60.000	60.000		
											Rau cải		Kg	20	18.000	360.000		
Tổng tiền				0						0							3.540.000	3.540.000
Thứ hai 6/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả đỗ	Kg	60	28.000	1.680.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
										0	Hành lá		Kg	1,0	60.000	60.000		
							Tổng tiền			6.128.000						14.235.000		

Thứ, ngày						Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ ba 7/10/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt gà ta lai	Kg	138,0	105.000	14.490.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000							
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000							
											9.500.000						15.390.000	31.018.000
Tổng tiền					6.128.000													
Thứ tư 8/10/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, móng lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
							Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
											9.015.000						9.105.000	24.248.000
Tổng tiền					6.128.000													
Thứ năm 9/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào rau bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	53,0	135.000	7.155.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bắp cải	Kg	60	18.000	1.080.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000							
											9.500.000						9.105.000	24.733.000
Tổng tiền					6.128.000													
Thứ sáu 10/10/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, móng lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
										0			Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
Tổng tiền					6.128.000					14.235.000						9.105.000	29.468.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ 7 ngày 11/10/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	150	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000							
							Cà chua	kg	7,0	35.000	245.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	135.000	6.750.000							
							Rau cải	25	25	18.000	450.000							
Tổng tiền					6.128.000					9.005.000						0	15.133.000	
CN 12/10/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	120	Cấp phát		
											Trứng vịt nhỡ		Quả	780	4.000	3.120.000		
											Hành lá		Kg	1,0	60.000	60.000		
											Rau cải		Kg	20	18.000	360.000		
Tổng tiền					0					0							3.540.000	3.540.000
Thứ hai 13/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỗ Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả đỗ	Kg	60	28.000	1.680.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
											0		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
Tổng tiền					6.128.000					14.235.000						9.705.000	30.068.000	
Thứ ba 14/10/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	138,0	105.000	14.490.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000							
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000							
Tổng tiền					6.128.000					9.500.000						15.390.000	31.018.000	

Thứ, ngày						Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn				
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền		
Thứ tư ngày 15/10/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát				
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000			
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, mỡ lợn	kg	53	135.000	7.155.000			
							Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000			
							Tổng tiền						6.128.000					9.015.000		
Thứ năm 16/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào rau bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát				
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53,0	135.000	7.155.000			
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000			
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bắp cải	Kg	60	18.000	1.080.000			
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000									
Tổng tiền					6.128.000					9.500.000					9.105.000	24.733.000				
Thứ sáu 17/10/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát				
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000			
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, mỡ lợn	kg	53	135.000	7.155.000			
											0		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000			
							Tổng tiền						6.128.000					14.235.000		
Thứ 7 ngày 18/10/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	150	Cấp phát										
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000									
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000									
							Cà chua	kg	7,0	35.000	245.000									
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	50	135.000	6.750.000									
							Rau cải	25	25	18.000	450.000									
Tổng tiền					6.128.000					9.005.000						0	15.133.000			
CN 19/10/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	120	Cấp phát				
											Trứng vịt nở		Quả	780	4.000	3.120.000				
											Hành lá		Kg	1,0	60.000	60.000				
											Rau cải		Kg	20	18.000	360.000				
Tổng tiền					0					0							3.540.000	3.540.000		

Thứ, ngày						Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ hai 20/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đu đủ. Canh bí đỏ. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53	135.000	7.155.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả đu đủ	Kg	60	28.000	1.680.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
											0		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
																	9.705.000	
Tổng tiền					6.128.000					14.235.000						9.705.000	30.068.000	
Thứ ba 21/10/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	138,0	105.000	14.490.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000							
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000							
Tổng tiền					6.128.000					9.500.000					15.390.000	31.018.000		
Thứ tư ngày 22/10/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, mỡ lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
							Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
																	9.105.000	
Tổng tiền					6.128.000					9.015.000					9.105.000	24.248.000		
Thứ năm 23/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào rau bắp cải. Canh bí đỏ. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt vai, mỡ lợn	Kg	53,0	135.000	7.155.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bắp cải	Kg	60	18.000	1.080.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000							
Tổng tiền					6.128.000					9.500.000					9.105.000	24.733.000		
Thứ sáu 24/10/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, mỡ lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
											0		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
																	9.105.000	
Tổng tiền					6.128.000					14.235.000					9.105.000	29.468.000		

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ 7 ngày 25/10/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	150	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000							
							Cà chua	kg	7,0	35.000	245.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	135.000	6.750.000							
							Rau cải	25	25	18.000	450.000							
Tổng tiền					6.128.000					9.005.000						0	15.133.000	
CN 26/10/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	120	Cấp phát		
													Trứng vịt nhỡ	Quả	780	4.000	3.120.000	
													Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
													Rau cải	Kg	20	18.000	360.000	
Tổng tiền					0					0							3.540.000	3.540.000
Thứ hai 27/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả đỗ	Kg	60	28.000	1.680.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
										0			Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
Tổng tiền					6.128.000					14.235.000						9.705.000	30.068.000	
Thứ ba 28/10/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	138,0	105.000	14.490.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000							
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000							
Tổng tiền					6.128.000					9.500.000						15.390.000	31.018.000	
Thứ tư ngày 29/10/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	766	8000	6.128.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, móng lợn	kg	53	135.000	7.155.000	
							Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000	
Tổng tiền					6.128.000					9.015.000						9.105.000	24.248.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn	
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền		
Thứ năm 30/10/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào rau bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát			
							Thịt vai, móng lợn	Kg	53	135.000	7.155.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	53,0	135.000	7.155.000		
							Đậu phụ	kg	61	25.000	1.525.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000		
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Bắp cải	Kg	60	18.000	1.080.000		
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000								
Tổng tiền					6.128.000					9.525.000						9.105.000	24.758.000		
Thứ sáu 31/10/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	766	8.000	6.128.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	175	Cấp phát			
							Thịt vai, móng lợn	Kg	100	135.000	13.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000		
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000		Thịt vai, móng lợn	kg	53	135.000	7.155.000		
											0		Bí đỏ	Kg	45	18.000	810.000		
Tổng tiền					6.128.000					14.100.000						9.105.000	29.333.000		
Tổng cộng tháng 10																	716.976.000		

Người lập



Nguyễn Thị Hường



Thủ trưởng đơn vị

Dương Tiến Công